

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 11-10 -2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Đệ

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLPT – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành T; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị U; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Lê Thị U kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do tự tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Lê Thị U đánh anh nhiều lần, anh chịu không nổi.

Từ tết nguyên đán năm 2009 đến nay, chị U' đã bỏ nhà đi mà không nói gì với anh, chị U' muốn đi thì đi, muốn về thì về, vợ chồng sống chung với nhau nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị U'.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh S sinh năm 1997 và Nguyễn Ngọc G sinh năm 1998, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị U' trình bày: Chị không đồng ý ly hôn với anh T vì chị còn thương anh T. Mừng 5 tết, chị và anh T cãi nhau, xảy ra xô xát. Anh T bóp cổ chị, xé đồ chị nên chị giận bỏ nhà đi làm. Chị không nói với anh T việc chị đi làm mà chỉ nói với con.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như anh T trình bày. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thành T và chị Lê Thị U'.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/7/2019, bị đơn chị Lê Thị U' kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T và chị U' kết hôn vào năm 1996, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc được nhiều năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày do chị U' đánh anh nhiều lần và chị U' bỏ nhà đi không còn chung sống với anh. Chị U' thừa nhận vì nóng giận có đánh anh T 02 lần, việc chị bỏ nhà đi là đi làm ăn, chị có nói cho con biết. Chị cho rằng chị còn yêu thương anh T nên không đồng ý ly hôn.

Nhận thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm

sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị U đã phát sinh mâu thuẫn, từ cuối tháng 12/2018 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị U có hành vi bạo lực gia đình đối với anh T. Tại phiên tòa anh T trình bày vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, ai biết bốn phần của người đó, vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Xét anh T và chị U đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cấp sơ thẩm cho anh T được ly hôn với chị U là có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo của chị U yêu cầu được đoàn tụ là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị U về việc yêu cầu đoàn tụ và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị U và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 93/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T. Cho anh Nguyễn Thành T được ly hôn với chị Lê Thị U.

2. Án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do anh nộp theo biên lai thu số 2446 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ. Chị Lê Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu số 5060 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHL: 01b;
- THADSHL: 02b;
- UBND xã P: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn